

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Ông N Đỗ Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: KDC An Thủy, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Tổ dân phố Bắc Hoàng, thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Nh có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991; địa chỉ: KDC An Thủy, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh Th có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông N Văn N, sinh năm 1959; địa chỉ: KDC An Thủy, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông N có mặt.

3.2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hoàng, thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Bà H có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/8/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Phạm Thị Nh trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/7/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại phường Hiến Thành, hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa chị với chồng cũng như với gia đình nhà chồng ngày càng tăng. Mặt khác, anh Th còn thường xuyên sử dụng ma túy đá, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đi thâu đêm, chị đã khuyên giải nhưng anh Th không thay đổi còn đánh, chửi chị. Đến cuối tháng 9 năm 2019 thì chị đưa các con về nhà ngoại ở Nam Định sinh sống. Chị và anh Th cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đó, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị ly hôn với anh Th.

- *Về con chung:* Chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 24/01/2012 và Nguyễn Thanh Ngọc B1, sinh ngày 23/12/2017. Cả hai cháu đang ở cùng chị và học tại thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cả 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định đủ điều kiện nuôi cả 2 con vì chị đang làm công nhân Công ty TNHH DAY TRIPPIN VINA, địa chỉ: thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Mức lương khoảng 12 triệu đồng/tháng. Mặt khác, bố mẹ đẻ chị đã công chứng tách cho chị 100m<sup>2</sup> đất ở tại địa chỉ nêu trên và sẽ hỗ trợ chị để chị xây dựng nhà ở.

- *Về tài sản, nợ chung:* Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ, anh Nguyễn Văn Th trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, nơi sinh sống sau khi kết hôn như nội dung chị Nh trình bày trên. Theo anh, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau. Đến giữa năm 2019 thì chị Nh về nhà ngoại ở Nam Định sinh sống. Anh đã đến đón nhưng thái độ của chị Nh không hợp tác, không muốn về. Chị Nh cứ nay doạ ly hôn, mai doạ ly hôn, anh cũng không thể chấp nhận được cách sống như vậy, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Do đó, anh nhất trí ly hôn với chị Nh.

- *Về con chung:* Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu H1 và cháu B1 như chị Nh trình bày là đúng. Cả hai con đang ở cùng chị Nh ở Nam Định. Sau ly hôn, quan điểm của anh là cháu H1 đang đi học tại trường tiểu học Cát Thành thì để cho cháu ở cùng mẹ để cháu đi học cho ổn định, anh xin trực tiếp nuôi cháu B1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh làm nghề vận tải (làm chủ xe và lái xe) thu nhập bình quân 30 đến 50 triệu đồng/tháng tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Tiến ở thành phố Cẩm Phả,

tỉnh Quảng Ninh. Bố mẹ anh đã để cho vợ chồng anh sử dụng nhà cũ của ông bà từ sau khi anh và chị Nh kết hôn, nay nếu anh được nuôi con thì bố mẹ anh vẫn tiếp tục để anh sử dụng nhà đó để có chỗ ở, chăm sóc con.

- *Về tài sản, nợ chung:* Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Mẹ đẻ chị Nh – bà Vũ Thị H trình bày:* Về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn như nội dung chị Nh trình bày trên. Năm 2017 thì vợ chồng chị Nh, anh Th mâu thuẫn, đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì chị Nh phải về nhà bà sinh sống. Gia đình cũng đã khuyên giải để vợ chồng chị Nh, anh Th đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn đã trầm trọng nên việc đoàn tụ không thành. Nay chị Nh xin ly hôn anh Th thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Hiện chị Nh cùng 2 con là cháu Nguyễn Phạm Thị Thanh H1 và Nguyễn Thanh Ngọc B1 đang ở cùng gia đình bà, các cháu học hành ổn định, cũng như được gia đình bà chăm sóc chu đáo. Bà cũng đề nghị Tòa án giao cho chị Nh nuôi cả 2 con chung để tạo sự ổn định về tâm lý cũng như việc học của các cháu. Gia đình bà cũng đã cho chị Nh đất ở, sẽ hỗ trợ xây dựng nhà cho chị Nh để chị Nh yên tâm nuôi dạy con, mặt khác cũng sẽ hỗ trợ tối đa việc trông nom chăm sóc, đưa đón các cháu đi học cho chị Nh khi đi làm Công ty.

*Bố đẻ anh Th – ông N Văn N trình bày:* Về điều kiện kết hôn, việc vợ chồng chung sống sau kết hôn như anh Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh Th chị Nh có mâu thuẫn, tháng 9 năm 2019 thì chị Nh đưa cả 2 con về Nam Định sinh sống từ đó đến nay, hầu như hàng tháng gia đình ông đều về Nam Định thăm các cháu. Ông vẫn động viên chị Nh về đoàn tụ nhưng không thành, theo ông nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng anh Th chị Nh mâu thuẫn là do chị Nh ghen tuông vì anh Th đi làm ở ngoài Quảng Ninh. Ông vẫn mong muốn vợ chồng anh Th đoàn tụ nhưng nếu chị Nh vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng không còn cách nào khác. Ông mong muốn nếu Tòa án thấy điều kiện kinh tế của anh Th đảm bảo nuôi cả 2 con chung thì giao cả 2 con chung cho anh Th, còn không thì giao cho anh Th, chị Nh mỗi người nuôi 01 con chung. Ông sẽ tạo điều kiện tốt nhất trong việc chăm nom các cháu. Mặt khác, ông cũng tạo điều kiện về chỗ ở (là ngôi nhà cũ của ông bà) để anh Th chăm sóc con cái.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn, bị đơn vẫn thống nhất ly hôn, không thể thỏa thuận được về việc nuôi con chung.

Chị Nh mong muốn được nuôi cả 2 con vì 2 con đang ở cùng chị ổn định, 2 con đều là nữ chị chăm sóc các cháu sẽ thuận hơn. Cháu B1 đang học tại Trường mầm non thị trấn Cát Thành, cháu H1 đang học lớp 3 Trường tiểu học Cát Thành, cháu H1 có nguyện vọng tha thiết ở cùng chị và đã tự trình bày ý kiến trước nhà trường là xin được ở với mẹ. Do đó chị không muốn tách 2 con mỗi đứa một nơi mà muốn nuôi cả 2 con để chúng có chị, có em. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th không nhất trí để chị Nh nuôi cả 2 con, vì anh cho rằng thu nhập của chị không cao, không đủ nuôi cả 2 con, mặt khác một mình chị cũng đi làm và nuôi cả 2 con là vất vả, không thể làm tốt được. Do đó, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cháu B1, để chị Nh tiếp tục nuôi cháu H1 để ổn định việc học, giữa anh và chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

*Về nội dung:* Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa các bên thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, đề nghị Tòa án xử Công nhận sự thuận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nh, đề nghị giao 2 con chung Nguyễn Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 24/01/2012 và Nguyễn Thanh Ngọc B1, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh Th có nơi đăng ký hộ khẩu tại phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th được tự do tìm hiểu, đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Nh, anh Th từ năm 2017 thường xuyên mâu thuẫn, mỗi người khai nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng thực tế vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Đến cuối năm 2019 ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, không tôn

trọng, quan tâm giúp đỡ nhau. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Th nhất trí ly hôn với chị Nh. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh Th là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Xét nguyện vọng được nuôi con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, các cháu đang ở ổn định với chị Nh tại thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Cháu H1 đã trên 7 tuổi đang học lớp 3 tại Trường tiểu học thị trấn Cát Thành, có nguyện vọng được ở cùng mẹ; cháu B1 hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ; chị Nh có nghề nghiệp, có thu nhập, đảm bảo điều kiện để nuôi cả hai cháu; anh Th làm chủ xe và lái xe, có thu nhập, tuy nhiên đi làm xa nhà nên ít có thời gian ở nhà chăm sóc con. Như vậy, việc giao cháu B1 cho anh Th không đảm bảo các điều kiện phát triển tốt nhất của cháu B1. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định tốt nhất, tránh tổn thương về tâm lý và việc học hành của các cháu, HĐXX thấy cần giao cho chị Nh tiếp tục nuôi cả 2 con sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nh, anh Th đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Nhung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị Nh, anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Nh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 24/01/2012 và Nguyễn Thanh Ngọc B1, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Phạm Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004003 ngày 12/10/2020, chị Nh đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND P.Hiến Thành, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**